

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 17-4-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Sơn;
Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố số 7, thị trấn YD, huyện HH, tỉnh Nam Định;

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ninh – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Minh Đức – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 7, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 7, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

2. Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 24, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định;

3. Chị Phạm Thị Ng; sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 12, khu 2, phường C, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

(Bà Ninh có mặt; bà D, bà Th vắng mặt có lý do; anh T, chị Y, chị Ng vắng mặt không lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2019, đơn đề nghị bổ sung, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Do quen biết, tin tưởng nhau nên từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, bà D đã cho vợ chồng ông Phạm Văn Tiệp, bà Vũ Thị Th vay tiền 7 lần với tổng số tiền 1.833.640.000đ, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 26-12-2017, bà D cho ông Tiệp, bà Th vay 50.000.000đ;
- Lần 2: Ngày 26-01-2018, bà D cho ông Tiệp, bà Th vay 400.000.000đ;
- Lần 3: Ngày 01-02-2018, bà D cho ông Tiệp, bà Th vay 50.000.000đ;
- Lần 4: Ngày 25-02-2018, bà D cho ông Tiệp, bà Th vay 171.640.000đ;
- Lần 5: Ngày 15-7-2018, bà D cho bà Th vay 693.000.000đ;
- Lần 6: Ngày 20-7-2018, bà D cho bà Th vay 105.000.000đ;
- Lần 7: Ngày 30-12-2018, bà D cho bà Th vay 364.000.000đ;

Cả 7 lần vay, bà D đều giao tiền cho bà Th tại nhà bà D. Sau khi nhận tiền, bà Th tự tay viết biên nhận trong đó ghi rõ người vay, người cho vay, số tiền vay, ngày vay và ngày hẹn trả. Khi vay, bà Th có nói vay để làm ăn kinh doanh và để cho các con mua nhà đất. Thời gian ông Tiệp còn sống, có khi ông Tiệp đi cùng bà Th đến nhận tiền, ký biên nhận hoặc bà Th mang về nhà đưa ông Tiệp ký rồi đưa bà D giữ bản gốc. Sau khi ông Tiệp qua đời, bà Th cùng con trai là anh T đến nhà bà D vay và nhận tiền vay, hứa bán đất miền nam trả cho bà D. Mặc dù giấy biên nhận không ghi thỏa thuận lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng, khi nào trả gốc thì sẽ thanh toán cả tiền lãi. Từ khi vay, ông Tiệp, bà Th chưa trả gốc và lãi cho bà D. Bà D đã đòi nhiều lần nhưng bà Th và các con chung của bà Th, ông Tiệp đều xin khát nợ, hứa bán đất miền nam trả nợ bà D nhưng đến nay chưa trả. Nay vì ông Tiệp đã chết, bà D đề nghị Tòa án: đối với các khoản vay (lần 1 đến lần 4) mà ông Tiệp và bà Th cùng vay thì buộc bà Th và các con của ông Tiệp, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà D; đối với các khoản vay do bà Th tự mình thực hiện (sau khi ông Tiệp chết, từ lần 5 đến lần 7) thì buộc bà Th phải có trách nhiệm trả nợ cho bà D. Nếu bà Th và các con không trả được nợ thì phải tự nguyện bán nhà đất đang ở để trả nợ cho bà D. Do bà Th hiện kinh tế khó khăn, chồng chết, nợ nần nhiều nên bà D không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ các khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-12-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Vũ Thị Th trình bày: Gia đình bà Th không có anh em họ hàng gì với gia đình bà D, bà Th quen biết bà D vì nghe nói bà D chuyên cho thuê tiền. Trước năm

2017, bà Th đã nhiều lần vay tiền của bà D, có khi vay làm ăn kinh doanh, có khi vay giúp người khác nhưng đều đã trả đầy đủ cả gốc lẫn lãi. Từ cuối năm 2017 đến năm 2018, bà Th công nhận có vay tiền của bà D nhưng do không ghi sổ nên không nhớ cụ thể, chính xác ngày tháng vay, số tiền vay. Bà Th chỉ nhớ trong khoảng thời gian nói trên có vay tiền của bà D 4 lần: lần 1 vay 50.000.000đ, lần 2 vay 250.000.000đ, lần 3 vay 50.000.000đ, lần 4 vay 150.000.000đ. Với các khoản vay trên, cứ khoảng 3 ngày bà Th đem tiền trả lãi cho bà D một lần, mỗi lần trả là 17.500.000đ. Khi trả, bà Th không ghi sổ, bà D có ghi vào sổ bà D nhưng không đưa lại cho bà Th, bà Th ước tính lãi suất khoảng 150%/tháng. Cuối năm 2017, ông Tiệp chồng bà Th ốm nặng, kinh tế khó khăn nên bà Th không trả gốc và lãi cho bà D được. Đối với 7 giấy biên nhận mà bà D đã nộp khi khởi kiện, bà Th công nhận do bà viết ra nhưng bị bà D ép buộc, không phải tự nguyện, thực tế số tiền bà Th nhận không đúng như nội D giấy biên nhận... Nay bà D khởi kiện, do không có tài liệu, chứng cứ về số tiền vay gốc, tiền lãi đã trả cho bà D nên bà Th chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà D. Tuy nhiên, vì điều kiện hiện nay kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều, sức khỏe yếu không đủ khả năng trả nợ, thay mặt cho các con, bà Th đề nghị bà D giảm số tiền nợ để bà Th cùng các con có điều kiện trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng nhưng anh T, chị Y, chị Ng không nộp bản tự khai, không thể hiện ý kiến, quan điểm, yêu cầu của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, bà D, bà Th, anh T, chị Y, chị Ng vắng mặt. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Phạm Thị Ninh trình bày: Việc bà Vũ Thị Th, ông Phạm Văn Tiệp có vay tiền của bà Phạm Thị D 7 lần với tổng số tiền vay gốc 1.833.640.000đ là sự việc có thật, thể hiện bằng các giấy biên nhận mà bà Th đã tự tay viết. Mặc dù từ khi vay đến nay, bà Th chưa trả lãi cho bà D nhưng xét hoàn cảnh bà Th khó khăn nên nay bà D yêu cầu Tòa án các vấn đề sau: Buộc bà Th cùng các con phải liên đới trả các khoản nợ mà ông Tiệp, bà Th đã vay; buộc bà Th phải trả các khoản nợ do bà Th tự mình thực hiện. Nếu bà Th và các con không có tiền trả nợ thì phải tự nguyện bán nhà đất đang ở để trả nợ cho bà D. Bà D không yêu cầu tính lãi đối với tất cả các khoản vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình thụ lý, giải quyết, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, xem xét tính hợp pháp của toàn bộ hồ sơ và các Hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị D và bà Vũ Thị Th, ông Phạm Văn Tiệp, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà D. Buộc bà Vũ Thị Th, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 671.640.000đ. Buộc bà Vũ Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 1.162.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị D, bà Vũ Thị Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D, bà Th, anh T, chị Y, chị Ng là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án:

Căn cứ lời khai của các đương sự; 07 giấy biên nhận gốc do bà Th viết trong đó 4 lần bà Th, ông Tiệp cùng ký tên và 3 lần chỉ có chữ ký của bà Th được bà Th thừa nhận đã đủ cơ sở kết luận việc bà Th, ông Tiệp vay tài sản của bà D 7 lần tổng cộng 1.833.640.000đ là sự việc có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà D vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị Th, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 671.640.000đ; buộc bà Vũ Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 1.162.000.000đ. Bà Th công nhận đã nhiều lần vay tiền của bà D. Tuy nhiên, các lần vay, trả không ghi sổ, đến nay chỉ nhớ rằng đã vay gốc 4 lần nhưng không nhớ cụ thể từng lần vay, số tiền vay. Ngoài ra, bà Th còn khẳng định đã trả lãi suất mức 150%/tháng cho bà D từ khi vay đến cuối năm 2017 âm lịch đề nghị bà D giảm số nợ gốc để bà và các con có khả năng trả nợ. Anh T, chị Y, chị Ng vắng mặt không thể hiện quan điểm. Bà D không chấp nhận ý kiến xin giảm nợ của bà Th. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chỉ vay 4 lần với số tiền cụ thể là bao nhiêu; không chứng minh được việc bà D tính lãi suất mức 150%/tháng

cũng như số tiền lãi đã phải trả cho bà D; không chứng minh được việc bị ép viết và ký giấy biên nhận. Do đó, lời khai của bà Th là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] *Về lãi suất:* Tại các giấy biên nhận do bà D giao nộp đều không ghi thỏa thuận về lãi. Mặc dù vậy, quá trình thực hiện hợp đồng, bà D cho rằng có thỏa thuận tính lãi 1,5%/tháng, đến nay chưa trả gốc và lãi. Bà Th cho rằng đã phải trả bà D mức lãi suất 150%/tháng đến cuối năm 2017 nhưng không chứng minh được số tiền lãi đã trả. Đến nay, bà D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Th, ông Tiệp vay gốc. Do đó, về vấn đề lãi suất, Hội đồng xét xử không giải quyết

[4] *Về nghĩa vụ trả nợ:*

Xét 4 lần vay đầu tiên vào các ngày 26-12-2017, 26-01-2018; 01-02-2018; 25-02-2018 với tổng số tiền là 671.640.000đ do bà Th và ông Tiệp thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, không phải vì mục đích các nhân nên ông Tiệp, bà Th phải liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản vay 4 lần kể trên của bà D. Tuy nhiên, ngày 08-5-2018, ông Tiệp chết nên quyền và nghĩa vụ của ông Tiệp được chuyển giao cho các thừa kế của ông Tiệp. Tại Biên bản xác minh ngày 27-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tại thời điểm mở thừa kế, bố mẹ đẻ ông Tiệp đều đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông Tiệp chỉ bao gồm vợ và các con của ông Tiệp, cụ thể là bà Th và anh T, chị Y, chị Ng. Tuy nhiên, Điều 615 Bộ luật dân sự quy định: “Những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại...” nên các thừa kế của ông Tiệp chỉ phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ của ông Tiệp trong phạm vi di sản do ông Tiệp để lại. Mặc dù trách nhiệm trả nợ của vợ chồng đối với khoản vay chung của người thứ ba là trách nhiệm liên đới nhưng xét ông Tiệp đã chết, để đảm bảo việc thi hành án thuận lợi, xét cần chia đôi nghĩa vụ của bà Th, ông Tiệp sau đó chia đều nghĩa vụ của ông Tiệp cho các đồng thừa kế của ông Tiệp là phù hợp pháp luật. Cụ thể, đối với nghĩa vụ trả nợ chung (4 lần vay đầu), bà Th và ông Tiệp mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ tổng số nợ và bằng 335.820.000đ. Chia nghĩa vụ của ông Tiệp cho các thừa kế của ông Tiệp: bà Th, anh T, chị Y, chị Ng mỗi người phải chịu 83.955.000đ. Tuy nhiên, các thừa kế của ông Tiệp chỉ phải thực hiện nghĩa vụ của ông Tiệp để lại trong phạm vi di sản thừa kế của ông Tiệp để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự.

Đối với 3 lần vay sau do bà Th tự thực hiện sau khi ông Tiệp chết (vào các ngày 15-7-2018; 20-7-2018; 30-12-2018, tổng cộng 1.162.000.000đ) nên bà Th phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những căn cứ, nhận định ở trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị D; buộc bà Vũ Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 1.581.775.000đ, buộc anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị D số tiền ông Tiệp vay gốc là 83.955.000đ theo quy định tại các Điều 166, 466, 469, 611, 613, 614, 615 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà D được Tòa án chấp nhận nên không phải nộp án phí. Bà Vũ Thị Th, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị Th nhận nộp toàn bộ án phí cho anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Ng, chị Phạm Thị Y. Xét việc bà Th nhận tự nộp toàn bộ án phí cho các con là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận và buộc bà Th phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288; 463; 466; 470; 611, 613, 614, 615 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị D.

2. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị D.

- Buộc bà Vũ Thị Th phải trả cho bà Phạm Thị D số tiền vay gốc là 1.581.775.000đ (một tỷ, năm trăm tám mươi triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó: nghĩa vụ của bà Th là 1.497.820.000đ (một tỷ bốn trăm chín bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) và nghĩa vụ do ông Tiệp để lại là 83.955.000đ (tám ba triệu, chín trăm lăm mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ do ông Phạm Văn Tiệp chết để lại, trả cho bà Phạm Thị D số tiền 83.955.000đ (tám ba triệu, chín trăm lăm mươi lăm nghìn đồng).

Việc thực hiện nghĩa vụ do ông Phạm Văn Tiệp chết để lại của bà Vũ Thị Th, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Y, chị Phạm Thị Ng được thực hiện theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Vũ Thị Th phải nộp

72.046.000đ (bảy hai triệu, không trăm bốn sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải Sơn Nguyễn Ngọc Chinh

Ngô Thị Hòe

- Nơi nhận:**
- Đường sự;
 - TAND tỉnh;
 - VKSND huyện;
 - Chi cục THADS huyện;
 - UBND xã Hải Long;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải Sơn Nguyễn Ngọc Chính

Ngô Thị Hòe